

Số: 229/BV-LC
v/v mời chào giá các mặt hàng HCXN,
VTYT, SPCĐ

Lang Chánh, ngày 28 tháng 07 năm 2023

THƯ MỜI CHÀO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Để có cơ sở cho việc xây dựng giá kế hoạch, Bệnh viện đa khoa Lang Chánh có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo xây dựng giá gói thầu mua sắm VTYT, HCXN, SPCĐ năm 2023-2024 với nội dung cụ thể sau

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá.

- Đơn vị yêu cầu báo giá : Bệnh viện đa khoa huyện Lang Chánh, địa chỉ: Bệnh viện đa khoa huyện Lang Chánh, Khu phố Lê Lai, TT Lang Chánh, Huyện Lang Chánh, Tỉnh Thanh Hóa. (số điện thoại: 02373874006).
- Thông tin liên hệ người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá : Lê Thị Dung, khoa Dược, Bệnh viện đa khoa huyện Lang Chánh, Khu phố Lê Lai, TT Lang Chánh, Huyện Lang Chánh, Tỉnh Thanh Hóa.
- Cách thức tiếp nhận báo giá :
Nhận trực tiếp hoặc thư xin gửi về khoa Dược, Bệnh viện đa khoa huyện Lang Chánh, Khu phố Lê Lai, TT Lang Chánh, Huyện Lang Chánh, Tỉnh Thanh Hóa.
- Thời hạn tiếp nhận báo giá từ 16h30 ngày 28 tháng 7 năm 2023 đến 16h30 ngày 06 tháng 8 năm 2023
Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.
- Thời gian có hiệu lực báo giá : Tối thiểu 90 ngày kể từ ngày 28 tháng 7 năm 2023

II. Nội dung yêu cầu báo giá.

- Danh mục (có danh mục đính kèm)
Địa điểm cung cấp : Bệnh viện đa khoa huyện Lang Chánh, địa chỉ: Bệnh viện đa khoa huyện Lang Chánh, Khu phố Lê Lai, TT Lang Chánh, Huyện Lang Chánh, Tỉnh Thanh Hóa.
 - Thời gian giao hàng dự kiến : 90 ngày kể từ ngày ký hợp đồng
 - Dự kiến về các khoản tạm ứng thanh toán hợp đồng : thanh toán trong vòng 90 ngày kể từ khi nhận đầy đủ hóa đơn, chứng từ
(Đơn giá trong báo giá đã bao gồm thuế GTGT và chi phí vận chuyển)
- Rất mong sự hồi đáp của Quý công ty, xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu VT; HĐĐT.



Phụ lục

STT	Tên hàng vật tư, HCTXN,SPCD	Yêu cầu kỹ thuật mời thầu	Số lượng dự kiến	Đơn vị tính
I	Hóa chất dùng cho máy huyết học SYSMEX - Mode: XP 100			
1	Dung dịch phá vỡ hồng cầu dùng cho máy phân tích huyết học	Thành phần: Dodecyltrimethylammonium chloride :3,9 % Dodecan-1-ol,ethoxylated:0,15 % Trometamol: 0.06 % Nước khử ion Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Quy cách: 500ML Thành phần: Dodecyltrimethylammonium chloride :3,9 % Dodecan-1-ol,ethoxylated:0,15 % Trometamol: 0.06 % Nước khử ion Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Quy cách: 500ML	4.000	ML
2	Dung dịch pha loãng dùng cho máy phân tích huyết học	THÀNH PHẦN Natri sunfat: 0,3% Natri clorua :0,9% Disodium dihydrogen ethylenediaminetetraacetate:0.1% Imidazole:0,05% Nước khử ion Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Quy cách: 20L	100.000	ml
II	HOÁ CHẤT, VẬT TƯ DÙNG CHO MÁY HUYẾT HỌC - MODEL: HUMACOUNT 60TS; 80TS- HÃNG SX: HUMAN/ĐỨC			
3	Dung dịch pha loãng sử dụng cho các máy huyết học dòng HumaCount	DÙNG CHO MÁY HUYẾT HỌC - MODEL: HUMACOUNT 60TS; 80TS - HÃNG SX: HUMAN/ĐỨC	80.000	ml
III	HÓA CHẤT SỬ DỤNG CHO MÁY SINH HOÁ AU480 HÃNG: BECKMAN COULTER			
4	Hóa chất định lượng CRP	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng C-Reactive Protein (CRP) mẫu huyết thanh người.. Phương pháp đo Latex, đo độ đục. Dải đo: 1 - 150 mg/L. Thành phần: Thuốc thử A: Đệm Glycin 0,1 mol/L, natri azid 0,95 g/L, pH 8,6. Thuốc thử B: Hỗn dịch chứa các hạt Latex được phủ kháng thể kháng CRP người, natri azid 0,95 g/L.	200	ML

5	Hóa chất định lượng GPT (ALT)	Hóa chất dùng cho xét nghiệm ALT ; dải đo: 3-500U/L ; phương pháp dựa trên khuyến nghị của IFCC. Thành phần: L-Alanine 500 mmol/L; 2-Oxoglutarate 12 mmol/L; LDH ≥ 1.8 kU/L; NADH 0.20 mmol/L;	1.000	MI
6	Hóa chất định lượng GOT(AST)	Hóa chất dùng cho xét nghiệm AST ; dải đo: 3-1000 U/L ; Phương pháp dựa trên khuyến nghị của IFCC. Thành phần: L-aspartate 240 mmol/L; 2-Oxoglutarate 12 mmol/L; LDH ≥ 0.9 kU/L; MDH ≥ 0.6 kU/L; NADH 0.20 mmol/L;	1.000	MI
7	Hóa chất định lượng Triglycerides	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Triglyceride ; dải đo: 0.1-11.3 mmol/L; phương pháp: GPO-POD; bước sóng 660/800 nM. Thành phần: 4-Aminoantipyrine 0.5 mmol/L; Lipases 1.5 kU/L (25 μ kat/L); Glycerol kinase 0.5 kU/L (8.3 μ kat/L); Peroxidase 0.98 kU/L (16.3 μ kat/L); Ascorbate oxidase 1.48 kU/L (24.6 μ kat/L); Glycerol-3-phosphate oxidase 1.48 kU/L (24.6 μ kat/L);	500	MI
8	Hóa chất định lượng Bilirubin trực tiếp	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Bilirubin trực tiếp ; dải đo: 0-171 μ mol/L ; phương pháp: DPD, bước sóng 570 nM. Thành phần: 3,5 Dichlorophenyl diazonium tetrafluoroborate 0.08 mmol/L	250	MI
9	Hóa chất định lượng Bilirubin toàn phần	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Total Bilirubin ; dải đo: 0-513 μ mol/L ; phương pháp: DPD, bước sóng 540 nM. Thành phần: Caffeine 2.1 mmol/L; 3,5-dichlorophenyldiazonium tetrafluoroborate 0.31 mmol/L	500	MI
10	Hóa chất định lượng Cholesterol	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Total Bilirubin ; dải đo: 0-513 μ mol/L ; phương pháp: DPD, bước sóng 540 nM. Thành phần: Caffeine 2.1 mmol/L; 3,5-dichlorophenyldiazonium tetrafluoroborate 0.31 mmol/L	1.000	MI
11	Hóa chất định lượng Glucose	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Glucose ; dải đo: 0.6-45 mmol/L ; phương pháp: Hexokinase, bước sóng 340 nM. Thành phần: Đệm PIPES (pH 7,6) 24,0 mmol/L, ATP $\geq 2,0$ mmol/L, Hexokinase $\geq 0,59$ kU/L, G6P-DH $\geq 1,58$ kU/L	1.000	MI
12	Hóa chất định lượng LDL- Cholesterol	Hóa chất dùng cho xét nghiệm LDL-Cholesterol ; dải đo: 0.26-10.3 mmol/L ; phương pháp: Enzymatic colour . Thành phần: Cholesterol esterase 3,7 IU/mL; Cholesterol oxidase 3,7 IU/mL; 4-aminoantipyrine 0,8 mmol/L;	160	MI
13	Hóa chất định lượng HDL-Cholesterol	Hóa chất dùng cho xét nghiệm HDL-Cholesterol ; dải đo: 0.05-4.65 mmol/L ; phương pháp: Enzymatic colour). Thành phần: Kháng thể kháng β -lipoprotein ở người nồng độ thay đổi; Cholesterol esterase (CHE) 0,8 IU/mL; Cholesterol oxidase (CHO) 4,4 IU/mL; Peroxidase (POD) 1,7 IU/mL; Ascorbate Oxidase 2 IU/mL; F-DAOS 0,2 mmol/L; 4-Aminoantipyrine 0,67 mmol/L	160	ML

14	Hóa chất định lượng Urea	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Urea/Urea nitrogen ; dải đo: 0.8-50 mmol/L ; phương pháp: Urease/GLDH . Thành phần: NADH $\geq$ 0.26 mmol/L; 2-Oxoglutarate $\geq$ 9.8 mmol/L ;Urease $\geq$ 17.76 kU/L; GLDH $\geq$ 0.16 kU/L	200	MI
15	Hóa chất định lượng Creatinine	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Creatinine ; dải đo: 5-2200 μ mol/L ; phương pháp: Kinetic Jaffe, bước sóng 520/800 nM. Thành phần: Natri hydroxide 120 mmol/L; Axit picric 2,9 mmol/L.	1.000	MI
16	Wash Solution	Dung dịch rửa hệ thống. Thành phần bao gồm: Baypur CX 100; Sodium Hydroxide 1 - 2%; Genapol X080 1 - 2%; Sulfonic acids, C14-17-sec-alkane, muối natri 1 - 5%	5.000	MI
Tổng cộng: 16 Khoản				